

TRƯỜNG THCS – THPT QUỐC TẾ SINGAPORE (TẠI TP HÀ NỘI)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024-2025

I. THÔNG TIN TRƯỜNG HỌC

1. Tên trường:

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC TẾ SINGAPORE (tại thành phố Hà Nội)

Địa điểm: Lô THQT, Khu đô thị mới C2, Gamuda Gardens, phường Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 024 7304 1777

Email: enquiry@gamudagardens.sis.edu.vn

Website: <https://gamudagardens.sis.edu.vn/vi/>

2. **Loại hình trường:** Cơ sở giáo dục phổ thông đa cấp học có vốn đầu tư nước ngoài, trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong hệ thống các trường phổ thông của thành phố Hà Nội, trường được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật.

3. **Cơ chế hoạt động:** Tự chủ mọi mặt bằng vốn ngoài ngân sách

4. **Mục tiêu:** Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore đề ra mục tiêu đào tạo được những học sinh có thành tích học tập tốt, tự tin trong giao tiếp, có kỹ năng tư duy, có hiểu biết về công nghệ và là những công dân năng động, có trách nhiệm.

5. **Năm thành lập:** Nhà trường được thành lập vào năm 2015.

6. Thông tin đơn vị chủ quản

CÔNG TY CỔ PHẦN KINDERWORLD VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301913395-001 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/01/2008.

Trụ sở: Lô THQT, Khu đô thị mới C2, Gamuda Gardens, phường Hoàng Mai, Hà Nội

7. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Charles Whalen Rutherford

Chức vụ: Hiệu trưởng

Email: Charles.rutherford@gamudagardens.sis.edu.vn

8. Tổ chức bộ máy

- Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cho phép thành lập Trường THCS – THPT Quốc tế Singapore tại thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 2274/CN-SGD&ĐT ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc cho phép hoạt động giáo dục.
- Quyết định số 1914/QĐ-SGD&ĐT ngày 6 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo HN về việc bổ sung, điều chỉnh hoạt động giáo dục.
- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

| STT | Họ và tên | Loại thành viên | Chức vụ |
|-----|-------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| 1 | Ông Tan Teck Yong | Đại diện nhà đầu tư | Chủ tịch Hội đồng trường |
| 2 | Bà Ngô Thị Chi | Thành viên ngoài nhà trường | Ủy viên |
| 3 | Bà Nguyễn Hồng Nhung | Thành viên ngoài nhà trường | Ủy viên |
| 4 | Bà Nguyễn Thu Hường | Thành viên ngoài nhà trường | Ủy viên |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Huyền Anh | Thành viên trong nhà trường | Ủy viên |

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường (file đính kèm).

9. Chiến lược phát triển Trường

- Quy mô tuyển sinh trong 5 năm từ Năm học 2024-2025:

| Lớp | 2024-2025 | | 2025-2026 | | 2026-2027 | | 2027-2028 | | 2028-2029 | |
|----------|-----------|-------|-----------|-------|-----------|-------|-----------|-------|-----------|-------|
| | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS |
| Lớp 6 | 3 | 65 | 3 | 68 | 3 | 70 | 3 | 72 | 3 | 75 |
| Lớp 7 | 5 | 88 | 3 | 65 | 3 | 68 | 3 | 70 | 3 | 72 |
| Lớp 8 | 3 | 57 | 5 | 88 | 3 | 65 | 3 | 68 | 3 | 70 |
| Lớp 9 | 1 | 7 | 3 | 57 | 5 | 88 | 3 | 65 | 3 | 68 |
| Lớp 10 | 1 | 15 | 1 | 25 | 2 | 35 | 2 | 45 | 2 | 50 |
| Lớp 11 | 0 | 0 | 1 | 20 | 1 | 25 | 2 | 40 | 2 | 45 |
| Lớp 12 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 20 | 1 | 25 | 2 | 40 |
| IGCSE 1 | 2 | 37 | 1 | 40 | 3 | 57 | 5 | 88 | 3 | 65 |
| IGCSE 2 | 3 | 64 | 2 | 37 | 1 | 40 | 3 | 57 | 5 | 88 |
| AS Level | 3 | 43 | 3 | 64 | 2 | 37 | 1 | 40 | 3 | 57 |
| A Level | 1 | 15 | 3 | 43 | 3 | 64 | 2 | 37 | 1 | 7 |

| | | | | | | | | | | |
|-------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|
| Tổng | 22 | 391 | 25 | 507 | 27 | 569 | 28 | 607 | 30 | 670 |
|-------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|

- Chương trình giáo dục:
 - Tiếp tục triển khai các chương trình giáo dục, hoạt động giáo dục theo đúng quy định.
 - Chương trình Giáo dục STEM được thiết kế và lồng ghép vào chương trình giảng dạy bộ môn Toán, Khoa học, Tin học và Công nghệ nhằm phát huy khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn của học sinh theo tư duy của một nhà khoa học. Đẩy mạnh STEM vào trong chương trình giảng dạy dưới nhiều hình thức như ngày hội STEM, bài học STEM, tuần học STEM, câu lạc bộ STEM... nhằm khuyến khích học sinh, giáo viên nghiên cứu khoa học; ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập để nâng cao hiệu quả.
 - Kết hợp Chương trình Giáo dục Kỹ năng sống Outward Bound vào Chương trình học, với mục tiêu xây dựng và phát triển sự tự tin, khả năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện tính kiên trì và khả năng giao tiếp hiệu quả.
 - Các hoạt động sinh hoạt sân chơi ngoại khóa khác cho học sinh: ngoài chương trình học nên trên, Trường còn tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tập thể, sinh hoạt ngoại khóa, giao lưu, trao đổi văn hóa với học sinh các nước khác để tăng cơ hội nâng cao sự hiểu biết, trao đổi văn hóa, nâng cao sự tự tin và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và góp phần phát triển toàn diện cho học sinh.
 - Tổ chức giảng dạy cho học sinh là công dân Việt Nam tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, sự trân trọng đối với các di sản lịch sử của dân tộc và truyền thống anh hùng trong dựng nước, giữ nước của cha ông. Đồng thời phát triển những phẩm chất cần thiết của người công dân: thái độ tích cực vì xã hội, tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, yêu lao động, sống nhân ái, có kỷ luật, tôn trọng và làm theo pháp luật, có ý thức tự cường dân tộc, sẵn sàng tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.
 - Tiếp tục tổ chức giáo dục có hệ thống các giá trị đạo đức cho học sinh định kỳ hàng tuần, khuyến khích học sinh trình bày, thể hiện quan điểm cá nhân về giá trị đạo đức và cách áp dụng vào thực tế cuộc sống.

- Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý:
 - Tiếp tục đào tạo phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý về năng lực chuyên môn bao gồm:
 - Tăng cường đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng và dự giờ thăm lớp; tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường cũng như giữa các trường trong hệ thống.
 - Tạo điều kiện bồi dưỡng, huấn luyện cho giáo viên mới được tham gia bồi dưỡng với ít nhất 1 giáo viên có kinh nghiệm để giúp giáo viên nắm

bắt được đặc điểm của học sinh, đặc điểm chương trình dạy, cách quản lí lớp học...

- Các nội dung đào tạo / bồi dưỡng giáo viên:
 - Phương pháp giảng dạy rõ ràng: Cách phản hồi hiệu quả và Cách sử dụng các bài đánh giá quá trình để điều chỉnh phương pháp giảng dạy
 - Kỹ năng tập huấn giáo viên
 - Giảng dạy STEM
 - Quản lí lớp học và Quản lí hành vi
 - Kỹ năng giao tiếp với học sinh và phụ huynh học sinh

- Cơ sở vật chất:

Công tác xây dựng cơ sở vật chất và tài liệu học tập luôn được Nhà trường chú trọng, đảm bảo cho việc dạy và học, bao gồm:

- 100% các phòng học được trang bị các thiết bị công nghệ thông tin để ứng dụng trong việc dạy và học, tạo thuận lợi cho giáo viên đổi mới phương pháp trong việc dạy và học, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hành chính, hồ sơ học sinh, tiết kiệm thời gian và chi phí trong công tác quản lý;
- Đầu tư trang thiết bị cho hoạt động STEM và ứng dụng STEM trong các bài học và hoạt động của Nhà trường;
- Liên tục kiểm tra, cải tạo phòng học, phòng chức năng, các trang thiết bị học tập định kỳ hàng năm.
- Thực hiện rà soát, sắp xếp các thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học. Xây dựng kế hoạch sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp để nâng cao hiệu quả sử dụng. Liên tục nâng cấp, bổ sung trang thiết bị dạy học đảm bảo thiết thực phục vụ cho việc giảng dạy thực tế của Nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

| STT | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | |
|------------|---|---------|------------------|-----|----|----|
| | | | TS | ThS | ĐH | CĐ |
| | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 60 | TS | ThS | ĐH | CĐ |
| I | Giáo viên | 46 | 0 | 13 | 33 | 0 |
| II | Cán bộ quản lý | 02 | 0 | 01 | 01 | 0 |
| 1 | Hiệu trưởng | 01 | 0 | 01 | 0 | 0 |
| 2 | Phó hiệu trưởng (Phụ trách chương trình GDPT của Bộ GD&ĐT Việt Nam) | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 |
| III | Nhân viên | 12 | 0 | 0 | 06 | 03 |

- Tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: Tốt: 100%
- Tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT (Chi tiết tại Phụ Lục 3)

1. Quy mô Nhà trường

- Diện tích đất trường học: 13.926 m²
- Diện tích sân chơi, cây xanh: 5.582 m²

2. Cơ sở vật chất

Nhà trường đáp ứng đầy đủ các điều kiện về số lượng Khối phòng hành chính quản trị, Khối phòng học tập, Khối phòng hỗ trợ học tập, Khối phụ trợ, Khu sân chơi, thể dục thể thao, Khối phục vụ sinh hoạt, Hạ tầng kỹ thuật; và Thiết bị dạy học.

3. Các điều kiện khác:

- Xe đưa đón học sinh
- Bể bơi tiêu chuẩn
- Các câu lạc bộ Cờ vua, vẽ, bóng đá, nghệ thuật.... được tổ chức theo yêu cầu và đảm bảo các tiêu chuẩn quy định.

IV. KIỂM ĐỊNH VÀ CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

Nhà trường tuyên bố và cam kết về các chất lượng giáo dục như dưới đây và có hệ thống kiểm tra đánh giá chất lượng định kỳ mỗi năm học. Thành tựu cho mỗi cam kết được phản ánh trực tiếp và qua kết quả học tập của học sinh và sự hài lòng của Phụ huynh.

1. Các cơ quan kiểm định chất lượng và đối tác

Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore tự hào là đối tác của các trường đại học hàng đầu tại Mỹ và Vương quốc Anh và được kiểm định bởi các Tổ chức Quốc tế uy tín trên Thế giới.

- *Hiệp hội các Trường Phổ thông và Cao Đẳng Phương Tây (WASC)* là một trong sáu tổ chức kiểm định độc lập và phi lợi nhuận có chức năng kiểm định chất lượng vùng của Mỹ. WASC hỗ trợ và kiểm định chất lượng cho các Trường Phổ thông thuộc California, Hawaii, quần đảo Thái Bình Dương và Đông Á. Là một trung tâm kiểm định quốc tế có uy tín, WASC được công nhận bởi Bộ Trưởng Bộ Giáo dục Mỹ và hiện đang hỗ trợ và kiểm định chất lượng cho hơn 4.000 trường với mục tiêu thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc khuyến khích các trường không ngừng cải thiện hoạt động giáo dục.
- *Vụ Khảo thí thuộc Bộ Giáo dục Singapore (SEAB)*, trước đây là Ban Khảo thí của Bộ Giáo dục Singapore, được thành lập để phát triển và thực hiện công tác khảo thí giáo dục tại Singapore cũng như đánh giá, kiểm tra chất lượng giáo dục cả trong và ngoài nước.
- *Hội đồng Khảo thí Quốc tế Cambridge* đã công nhận Trường Quốc tế Singapore là Trung tâm giảng dạy và tổ chức thi đánh giá chất lượng Chương trình Chứng chỉ Trung học Đại cương Quốc tế (IGCSE) và Chương trình Quốc tế Cambridge Trình độ độ A/AS. Kỳ thi IGCSE được tổ chức tại hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới và là một

- trong những chứng chỉ quốc tế phổ biến nhất dành cho học sinh lứa tuổi 14 đến 16. IGCSE được công nhận bởi nhiều trường đại học và tổ chức trên toàn thế giới. Chứng chỉ này là chuẩn mực đánh giá tin cậy về chất lượng và năng lực học tập của học sinh. Chứng chỉ Chương trình Quốc tế Cambridge Trình độ A/AS được thế giới công nhận như một tiêu chuẩn đánh giá bước chuẩn bị hoàn hảo cho các chương trình giáo dục đại học. Kỳ thi này được tổ chức tại hơn 125 quốc gia và được công nhận rộng rãi bởi các trường đại học và công ty trên toàn thế giới.
- Các đối tác khác: Trường ĐH Elmhurst, Trường ĐH Edinburgh Napier, Trường ĐH Central Queensland, Học viện Hwa Chong Singapore, Outward Bound Singapore, Outward Bound Việt Nam, Marshall Cavendish, Exscitec, Makeblock, UBTECH, vv...vv...

2. Tuyên bố về Học tập và Giảng dạy chất lượng cao

Tại Trường, chúng tôi cam kết đảm bảo dạy và học chất lượng cao bằng việc áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập dựa trên triết lý giáo dục trải nghiệm trong môi trường học tập an toàn. Thông qua các trải nghiệm và suy ngẫm có chủ đích, học sinh nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, hình thành năng lực học tập suốt đời và khả năng cũng như ý thức đóng góp cho cộng đồng.

3. Tuyên bố công dân toàn cầu và môi trường học tập đa văn hóa

Trường cung cấp các trải nghiệm đa văn hóa và cơ hội tiếp cận các vấn đề toàn cầu. Chúng tôi hỗ trợ học sinh phát triển các kỹ năng giao tiếp và hợp tác, trở thành những nhà lãnh đạo tự tin và thấu cảm, được trang bị đầy đủ và toàn diện tư duy phản biện, tương tác với sự tôn trọng và hành động có trách nhiệm.

4. Tuyên bố về công dân kỹ thuật số

Trường cung cấp cho học sinh những cơ hội và trải nghiệm học tập nhằm phát triển các năng lực của công dân kỹ thuật số. Mục tiêu của chúng tôi là hỗ trợ học sinh trong việc sử dụng công nghệ một cách an toàn và có trách nhiệm để phục vụ cho việc học tập, sáng tạo và hợp tác.

5. Chương trình Giáo dục đạo đức

Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore đã thiết kế và giảng dạy trong toàn trường Chương trình Giáo dục Đạo đức bao gồm hai mươi giá trị đạo đức nhằm hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh.

Học sinh được học về các giá trị đạo đức là nền tảng để hướng các em trở thành những công dân toàn cầu và có trách nhiệm xã hội.

Biết tôn trọng là giá trị đạo đức bao quát chung nhất cho toàn trường. Việc tất cả học sinh học về sự tôn trọng là rất thiết yếu trong môi trường học tập quốc tế đa văn hóa. Với nhiều cách thức và mức độ tiếp cận khác nhau, giáo viên xây dựng bài giảng giới thiệu từng giá trị đạo đức, giúp học sinh hiểu được ý nghĩa và sự ảnh hưởng của giá trị đạo đức đó trong cách ứng xử, giao tiếp.

Chương trình Giáo dục Đạo đức giúp học sinh phát triển toàn diện và trang bị cho các em hành trang cần thiết để thành công trong tương lai. Nhà trường mong muốn đào tạo và phát triển học sinh thành những cá nhân có phẩm chất tốt, những con người sẽ đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội trong tương lai.

| <i>Trọng tâm</i> | <i>Hòa đồng</i> | <i>Tổ chức</i> | <i>Bền bỉ</i> | <i>Tự tin</i> | |
|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| Tuần | Học phần 1 | Học phần 2 | Học phần 3 | Học phần 4 | Cả năm |
| Tuần 1-2 | Quan tâm | Hợp tác | Kiên trì | Tự tin | Tôn trọng |
| Tuần 3-4 | Liêm chính | Trách nhiệm | Trung thực | Ưu tú | |
| Tuần 5-6 | Kiên nhẫn | Siêng năng | Kỷ luật | Tín nhiệm | |
| Tuần 7-8 | Rộng lượng | Giúp ích | Lạc quan | Sáng tạo | |
| Tuần 9-10 | Làm việc nhóm | Linh hoạt | Tân tâm | Quyết đoán | |

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Trường THCS – THPT Quốc tế Singapore (tại thành phố Hà Nội) năm học 2023- 2024 và 2024- 2025.

1. Kế hoạch tuyển sinh 2024-2025:

- Kế hoạch tuyển sinh năm học – Phụ lục 01
- Biểu Công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên – Phụ lục 02
- Biểu Công khai cơ sở vật chất – Phụ lục 03
- Biểu Cam kết chất lượng giáo dục – Phụ lục 04
- Biểu Công khai học phí – Phụ lục 05

2. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore đã ban hành phê duyệt các chính sách, quy trình giúp tăng cường sự phối hợp giữa Gia đình và Nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục học sinh. Các chính sách, quy trình này được nhà trường công khai tới Phụ huynh thông qua phần mềm My KinderWorld App bao gồm:

- Sổ tay Phụ huynh
- Hướng dẫn dành cho Phụ huynh vào đầu năm học
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm My KinderWorld App
- Quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin, đề xuất cải tiến, khiếu nại từ Phụ huynh
- Hướng dẫn sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến
- Chính sách, Quy trình, Quy định về vận hành, học thuật
- Sức khỏe học đường
- Chính sách tài chính
- Câu hỏi thường gặp
- Họp Phụ huynh – Giáo viên
- Biểu mẫu

3. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

- Các hoạt động Sự kiện, ngoại khóa.
- Các câu lạc bộ, lớp hỗ trợ học sinh sau giờ học.
- Các buổi trải nghiệm thực tế (tham quan tại các làng nghề, các doanh nghiệp,)
- Mời chuyên gia tập huấn cho học sinh: Tập huấn PCCC,...

4. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024 và 2024-2025

4.1. Kết quả tuyển sinh

- **Tổng số học sinh: 362 học sinh, trong đó:**

| Số lượng | 2024-2025 |
|--|------------------|
| Số lượng người học cấp THCS (CT của Bộ GD&ĐT Việt Nam) | 117 |
| Số lượng người học cấp THCS là người Việt Nam (CT của Bộ GD&ĐT Việt Nam) | 115 |
| Số lượng người học cấp THCS (CT Quốc tế) | 92 |
| Số lượng người học cấp THCS là người Việt Nam (CT Quốc tế) | 45 |
| Số lượng người học cấp THPT (CT Quốc tế) | 153 |
| Số lượng người học cấp THPT là người Việt Nam (CT Quốc tế) | 109 |

- Tỷ lệ học sinh Việt Nam trong Chương trình Quốc tế / Tổng số học sinh trong Chương trình Quốc tế (cấp THCS) là 49%, đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

4.2. Kết quả đánh giá học sinh (Cấp THCS – Chương trình Song ngữ)

Năm học 2023-2024

| STT | Nội dung | Tổng số | Chia theo khối lớp | | | |
|------------|--|----------------|---------------------------|--------------|--------------|--------------|
| | | | Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
| I | Số học sinh chia theo hạnh kiểm | | | | | |
| 1 | <i>Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)</i> | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 2 | <i>Khá (Tỷ lệ so với tổng số)</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | <i>Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | <i>Yếu (Tỷ lệ so với tổng số)</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | Số học sinh chia theo học lực | | | | | |

| | | | | | | |
|------------|--|--------|-----------|--------------|------------|------------|
| 1 | Giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 53.23% | 48.78% | 48.08% | 0.83% | 57.14% |
| 2 | Khá (tỷ lệ so với tổng số) | 42.74% | 46.34% | 48.08% | 25% | 42.86% |
| 3 | Trung bình (tỷ lệ so với tổng số) | 4.032% | 4.88% | 3.85% | 4.17% | 0 |
| 4 | Yếu (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Kém (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| III | Tổng hợp kết quả cuối năm | | | | | |
| 1 | Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| a | <i>Trong đó:</i> Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 53.23% | 48.78% | 48.08% | 70.83% | 57.14% |
| b | Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số) | 15.38% | 12.2 % | 19.23% | 12.5% | 0 |
| 2 | Thi lại (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Chuyển trường đến/ đi (tỷ lệ so với tổng số) | | 0% / 9.8% | 1.9% / 13.5% | 0% / 20.8% | 0% / 14.2% |
| 5 | Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| V | Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp | 7 | 0 | 0 | 0 | 7 |
| VI | Số học sinh được công nhận tốt nghiệp | 7 | 0 | 0 | 0 | 7 |
| 1 | Giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 57.14% | 0 | 0 | 0 | 57.14% |
| 2 | Khá (tỷ lệ so với tổng số) | 42.86% | 0 | 0 | 0 | 42.86% |
| 3 | Trung bình (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| VII | Số học sinh dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Năm học 2024-2025

| STT | Nội dung | Tổng số | Chia theo khối lớp | | | |
|------------|--|----------------|--------------------|------------------|----------------|---------|
| | | | Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
| I | Số học sinh chia theo hạnh kiểm | | | | | |
| 1 | Tốt (Tỷ lệ so với tổng số) | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 2 | Khá (Tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Yếu (Tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | Số học sinh chia theo học lực | | | | | |
| 1 | Giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 53.64% | 57.58% | 46.88% | 52.63% | 71.43% |
| 2 | Khá (tỷ lệ so với tổng số) | 42.73% | 39.39% | 50.00% | 42.11% | 28.57% |
| 3 | Trung bình (tỷ lệ so với tổng số) | 3.64% | 3.03% | 3.13% | 5.26% | 0 |
| 4 | Yếu (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Kém (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| III | Tổng hợp kết quả cuối năm | | | | | |
| 1 | Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| a | Trong đó: Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 40.91% | 42.42% | 34.38% | 44.74% | 42.86% |
| b | Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số) | 12.73% | 15.15 % | 12.5% | 7.89% | 28.57% |
| 2 | Thi lại (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Chuyên trường đến/ đi (tỷ lệ so với tổng số) | 0.9% / 7.2% | 0% / 3.03% | 3.12% / 6.23% | 0% / 13.16% | 0% / 0% |
| 5 | Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| V | Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp | 7 | 0 | 0 | 0 | 7 |

| | | | | | | |
|------------|--|--------|---|---|---|--------|
| VI | Số học sinh được công nhận tốt nghiệp | 7 | 0 | 0 | 0 | 7 |
| 1 | Giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 71.43% | 0 | 0 | 0 | 71.43% |
| 2 | Khá (tỷ lệ so với tổng số) | 28.57% | 0 | 0 | 0 | 28.57% |
| 3 | Trung bình (tỷ lệ so với tổng số) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| VII | Số học sinh dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Chế độ tài chính

Trường hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn tài chính của Trường bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu và các nguồn huy động hợp pháp khác;
- Nguồn thu học phí theo quy định tại Luật Giáo dục và các quy định của pháp luật;
- Lãi tiền gửi tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng;
- Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

3. Nội dung chi:

- Tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; các khoản chi phí cho hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường;
- Quản lý hành chính;
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất; chi trả tiền thuê cơ sở vật chất (nếu có); mua sắm tài liệu, trang thiết bị đồ dùng dạy và học;
- Khấu hao tài sản cố định;
- Trả lãi vốn vay, vốn góp;
- Thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan nhà nước;
- Chi phúc lợi tập thể, khen thưởng; các hoạt động nhân đạo, từ thiện;
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của trường đã được nhà đầu tư phê duyệt không trái với quy định của pháp luật;

4. Tài sản của Trường gồm:

- Tài sản ban đầu khi xây dựng trường;
- Tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của trường;

5. Quản lý tài chính và tài sản:

- a) Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore tổ chức thu học phí và các khoản thu khác theo quy định của Luật Giáo dục và pháp luật liên quan; tổ chức quản lý tài chính, công tác Kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Hằng năm, Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore thực hiện chế độ công khai tài chính và lập Báo cáo tài chính gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp theo chế độ kế toán hiện hành; tổ chức công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

6. Học phí và các khoản phí khác

Học phí của Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore được xác định theo từng hệ, từng cấp học, từng chương trình học và cũng được công khai tại website trường.

Chính sách ưu đãi học phí của Trường THCS-THPT Quốc tế Singapore được xác định theo từng cấp học, từng chương trình học.

7. Kết quả tài chính so với năm học 2023- 2024

Phù hợp với Nghị định 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được Chính phủ ban hành ngày 27/08/2021, để đảm bảo cho quá trình vận hành trường học, Nhà trường có thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục đúng theo nguyên tắc “bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý”.

Nhà trường chú trọng đầu tư cho các phòng học chức năng tiện nghi, thư viện với nhiều đầu sách ngoại văn liên tục được cập nhật, sân chơi đa dạng, giáo cụ đầy đủ hiện đại, giáo viên bản ngữ trình độ đại học và sau đại học chất lượng cao để giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ, quốc tế; bảo trì bảo dưỡng trường học định kỳ để luôn đảm bảo môi trường học tập an toàn cho học sinh, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin được chú trọng để nâng tầm ứng dụng công nghệ trong công tác dạy và học tại trường...

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh học sinh lớp đầu cấp học của năm học 2024- 2025

Căn cứ điều lệ trường Phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2016/TT-BGDĐT, Thông tư 11/2014-BGDĐT, Thông tư 18/2014/TT-BGDĐT;

Căn cứ Công văn 1386/SGDDĐT-KTKĐ ngày 14/05/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024- 2025;

Trường THCS- THPT Quốc tế Singapore xây dựng Kế hoạch tuyển sinh cho năm học 2024- 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, con người, đảm bảo các điều kiện phục vụ cho năm học 2024- 2025 theo đúng các quy định hiện hành;
- Đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học và THCS hiện đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội, đặc biệt là con em gia đình người nước ngoài đang sống và làm việc tại Hà Nội;
- Tuyển sinh các học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học và THCS có thành tích tốt trong học tập và năng khiếu trên địa bàn Thành phố để tạo nguồn công tác Học sinh Giỏi (nếu còn đủ chỉ tiêu).

2. Yêu cầu:

- Đảm bảo công khai, nghiêm túc, công bằng. Nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy vai trò của cha mẹ học sinh trong việc quan tâm chăm sóc, tạo điều kiện cần thiết cho con em đến trường, đảm bảo quyền học tập của trẻ;
- Tuyển các học sinh từ 11 tuổi trở lên đã hoàn thành chương trình tiểu học và THCS là con em người Việt Nam và người nước ngoài hiện đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội vào lớp 6 và lớp 10.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của nhà trường năm học 2024 -2025 nhà trường dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh như sau:

1.1. Số lượng học sinh lớp 6:

- Số học sinh: 75
- Số lớp: 3

2. Điều kiện và cách thức xét tuyển:

- Đối với học sinh Việt Nam và học sinh nước ngoài hiện đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội. Có đủ điều kiện về độ tuổi và hoàn thành chương trình học theo quy định

3. Hội đồng tuyển sinh

Theo quyết định của Hiệu trưởng gồm BGH, Bộ phận tuyển sinh, Tổ trưởng chuyên môn và một số giáo viên nhà trường.

4. Thời gian tuyển sinh

Từ tháng 01/2024 đến tháng 08/2024.

5. Hồ sơ tuyển sinh:

- Đơn xin học (theo mẫu)
- 02 ảnh 4x6;
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- Học bạ cấp tiểu học;
- Bản sao CCCD của bố và mẹ
- Bản sao giấy khám sức khỏe và bản sao bảo hiểm y tế (nếu có)
- Bản gốc các chứng nhận giải các cuộc thi (nếu có).

6. Biên chế lớp học:

- Tối đa 25 học sinh/ lớp

III. TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Bộ phận thực hiện |
|-----|--|-----------------------------------|-------------------|
| 1 | Điều tra nhu cầu HS đăng ký vào lớp 6, 10 | Từ 01 /2024 đến 4/2024 | BGH + Bộ phận TS |
| 2 | Kiểm tra CSVC và các điều kiện cho năm học 2024- 2025 | Từ 15/4/2024 đến 5/5/2024 | BGH và Hành chính |
| 3 | Dự kiến tuyển sinh và các điều kiện cho năm học 2024 -2025 | Từ 1/2024 đến 4/2024 | Bộ phận TS |
| 4 | Tham gia Hội nghị Hướng dẫn tuyển sinh của Sở GD&ĐT | 4/2025 | BGH |
| 5 | Nhận chỉ tiêu tuyển sinh | Theo công văn của Sở GD&ĐT Hà Nội | BGH |
| 6 | Tổ chức nhận hồ sơ và xét tuyển học sinh vào lớp 6, 10 | Từ 01/2024 đến 08/2024 | Ban Tuyển sinh |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Bộ phận thực hiện |
|------------|---|----------------------------|--------------------------|
| 7 | Thông báo trúng tuyển và tổ chức đón học sinh lớp 6, lớp 10 | 05/8/2024 | Ban Tuyển sinh |
| 8 | Báo cáo công tác tuyển sinh | 30/8/2024 | Ban Tuyển sinh |

1. Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch, trình HĐQT và triển khai công tác tuyển sinh đến CB-GV-NV-HS-PHHS của nhà trường;
2. Ban giám hiệu kết hợp với Bộ phận Tuyển sinh triển khai kế hoạch tuyển sinh trên các hệ thống thông tin đại chúng.
3. Các đoàn thể, Hội đồng Phụ huynh nhà trường cùng BGH tổ chức tuyên truyền và thực hiện KH tuyển sinh có hiệu quả.

PHỤ LỤC 02

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS-THPT QUỐC TẾ SINGAPORE
(Tại Thành phố Hà Nội)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2024 – 2025

| STT | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | |
|------------|---|---------|------------------|-----|----|----|----|
| | | | TS | ThS | ĐH | CD | TC |
| I | Giáo viên Chương trình GDPT của Bộ GD&ĐT Việt Nam | 20 | | 4 | 16 | | |
| | Trong đó số giáo viên chuyên biệt: | | | | | | |
| 1 | Ngoại ngữ | 6 | | | 6 | | |
| 2 | Tin học | 1 | | | 1 | | |
| 3 | Âm nhạc | 1 | | | 1 | | |
| 4 | Thể dục | 1 | | | 1 | | |
| 5 | Mỹ thuật | 1 | | | 1 | | |
| | Giáo viên bộ môn | | | | | | |
| 1 | Ngữ văn / GDCD | 3 | | | 3 | | |
| 2 | Toán học | 2 | | 1 | 1 | | |
| 3 | Lịch sử | 1 | | | 1 | | |
| 4 | Địa lý | 1 | | | 1 | | |
| 5 | Vật lý / Công nghệ | 1 | | 1 | | | |
| 6 | Hóa học | 1 | | 1 | | | |
| 7 | Sinh học | 1 | | 1 | | | |
| II | Cán bộ quản lý | | | | | | |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | | 1 | | | |
| 2 | Phó Hiệu trưởng (Phụ trách chương trình GDPT của Bộ GD&ĐT Việt Nam) | 1 | | | 1 | | |
| III | Nhân viên | | | | | | |
| 1 | Quản lý văn phòng | 1 | | | 1 | | |
| 2 | Nhân viên văn thư | 2 | | | 2 | | |
| 3 | Nhân viên kế toán | 1 | | | 1 | | |
| 4 | Thủ quỹ | 1 | | | 1 | | |
| 5 | Nhân viên y tế | 1 | | | | 1 | |

| | | | | | | | |
|---|-------------------------------|---|--|--|---|---|--|
| 6 | Nhân viên thư viện | 1 | | | | 1 | |
| 7 | Nhân viên công nghệ thông tin | 1 | | | 1 | | |
| 8 | Nhân viên bảo trì, bảo dưỡng | 1 | | | | 1 | |
| 9 | Nhân viên tạp vụ | 3 | | | | | |

PHỤ LỤC 03**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS-THPT QUỐC TẾ SINGAPORE
(Tại Thành phố Hà Nội)****THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học: 2024 – 2025**

| STT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|------------|--|--|---------|
| I | Số phòng học/số lớp | 45 | |
| II | Tổng diện tích đất (m²) | 13926 | |
| III | Diện tích sân chơi, bãi tập (m²) | 5582 | |
| IV | Tổng diện tích các phòng | | |
| 1 | Diện tích phòng học (m ²) | 2800 | |
| 2 | Diện tích thư viện (m ²) | 182 | |
| 3 | Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²) | 1000 | |
| 4 | Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²) | 205 | |
| 5 | Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²) | 111 | |
| 6 | Diện tích phòng học tin học (m ²) | 181 | |
| 7 | Diện tích phòng thí nghiệm (m ²) | 154 | |
| 8 | Diện tích phòng học STEM (m ²) | 93 | |
| 9 | Diện tích phòng y tế (m ²) | 25 | |
| 10 | Diện tích văn phòng / khu hiệu bộ (m ²) | 172 | |
| 12 | Diện tích kho (m ²) | 130 | |
| V | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu | Đảm bảo số lượng tối thiểu 1 bộ / học sinh | |
| VI | Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ) | | |
| 1 | Máy vi tính | 147 | |
| VI | Tổng số thiết bị dùng chung khác | | |
| 1 | Máy chiếu OverHead | 51 | |
| 2 | Loa cho máy vi tính | 72 | |
| 3 | Thiết bị khác | Loa hội trường, ampli, mic,... | |

| | Nội dung | Số lượng(m ²) | |
|--|----------|---------------------------|--|
|--|----------|---------------------------|--|

| | | |
|-----------|----------------|-----|
| X | Nhà bếp | 258 |
| XI | Nhà ăn | 815 |

| XII | Nhà vệ sinh | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Diện tích (m ²) | |
|------------|-------------------------|--------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
| | | | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh* | 16 | | 18 | | 560 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | | | | | |

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

| | | Có | Không |
|-------------|---|----|-------|
| XII | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | ü | |
| XIV | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | ü | |
| XV | Kết nối internet | ü | |
| XVI | Trang thông tin điện tử (website) của trường | ü | |
| XVII | Tường rào xây | ü | |

PHỤ LỤC 04

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS-THPT QUỐC TẾ SINGAPORE
(Tại Thành phố Hà Nội)

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục
Năm học: 2024 – 2025

| STT | NỘI DUNG | Cam kết |
|-----|---|--|
| I | Điều kiện tuyển sinh | Thực hiện các hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 24-25 |
| II | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ | <ul style="list-style-type: none">- Chương trình Giáo dục Trung học cơ sở Singapore.- Chương trình Giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam bậc THCS- Chương trình Chứng chỉ Trung học Đại cương Quốc tế: IGCSE- Chương trình Dự bị đại học: Chứng chỉ Quốc tế Cambridge trình độ AS – A Level của Trường Cambridge (Anh Quốc) |
| III | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh | <ul style="list-style-type: none">- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, hoặc điện thoại giữa nhà trường, GVCN với PHHS.- Định kì họp Phụ huynh giữa nhà trường với CMHS- Học sinh tích cực, chuyên cần chủ động trong học tập- HS thực hiện tốt các nhiệm vụ HS theo Điều lệ trường TH và các nội quy của nhà trường. |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục | <ul style="list-style-type: none">- Học sinh được tham gia vào các hoạt động truyền thống, hoạt động xã hội.- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt đầu tuần theo từng chủ điểm mang tính giáo dục cao. Sinh hoạt chủ điểm các ngày Lễ lớn- Tổ chức các lễ hội: Hội Trăng rằm, Giỗ Tổ Hùng Vương, Tết Nguyên đán, Lễ ra trường cho học sinh lớp 9...- Giáo dục truyền thống và rèn kỹ năng sống cho HS. Đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tham gia các cuộc thi, các sân chơi trí tuệ nhằm phục vụ cho việc GDTD học sinh...- Tham quan các khu di tích lịch sử của địa phương và thành phố. Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt tập thể. Tổ chức học tập, giao lưu với các trường trong hệ thống |
| V | Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được | <ul style="list-style-type: none">- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất- 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học.- 100% học sinh lớp 9 Tốt nghiệp THCS loại TB trở lên. |

| STT | NỘI DUNG | Cam kết |
|-----------|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu suất đào tạo: 100 % - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. HS bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc, |
| VI | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh | <ul style="list-style-type: none"> - 100% học sinh lên lớp đối với học sinh lớp 6,7,8. - 100% học sinh lớp 9 Tốt nghiệp THCS loại TB trở lên - 100% Đủ khả năng để học ở lớp trên hoặc cấp học trên |

PHỤ LỤC 05

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS-THPT QUỐC TẾ SINGAPORE
(Tại Thành phố Hà Nội)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về học phí và các khoản thu khác
cho Năm học 2024-2025

| Khối | ĐVT | Chương trình Song ngữ | Chương trình Quốc tế | Ghi chú |
|-----------------------------------|-------------|-------------------------|----------------------|---|
| Học Phí | | | | |
| Lớp 6 | Đồng/hs/năm | 292.092.000 | 502.288.000 | Học phí trên đã bao gồm phí tham quan dã ngoại và khám sức khỏe định kỳ hàng năm |
| Lớp 7 – 8 | Đồng/hs/năm | 292.092.000 | 527.608.000 | |
| Lớp 9 | Đồng/hs/năm | 292.092.000 | | |
| IGCSE 1 - 2 | Đồng/hs/năm | | 587.479.000 | |
| AS Level | Đồng/hs/năm | | 598.515.000 | |
| A Level | Đồng/hs/năm | | 626.014.000 | |
| Một số khoản thu khác | | | | |
| Phí xe đưa đón (2 chiều) | Đồng/hs/năm | 19.333.000 – 33.660.000 | | Chỉ thu đối với học sinh có nhu cầu sử dụng xe đưa đón học sinh. Phí dịch vụ được tính theo quãng đường |
| Phí ăn | Đồng/hs/năm | 23.400.000 | | Chỉ thu khi học sinh có nhu cầu |
| Phí đồng phục cơ bản (trung bình) | Đồng/hs/bộ | ~ 525.000 | | Chỉ thu khi học sinh có nhu cầu |
| Phí bảo hiểm tai nạn | Đồng/hs/năm | 1.320.000 | | Chỉ thu khi học sinh có nhu cầu |
| Phí bảo hiểm bắt buộc | Đồng/hs/năm | 885.000 – 1.106.000 | | Tùy thuộc vào khối lớp và số tháng cần mua bảo hiểm |

** Học phí và các khoản thu khác dự kiến tăng hàng năm và tăng không quá 15%*